

Bản án số: 01 /2017/DS-ST

Ngày: 15/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hiền;

2. Bà Đỗ Thị Bích Hồng;

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thăng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên - tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2017 về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Vũ Hoàng L (tên gọi khác: Đ) - Sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: khu N, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh .

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1975;

Nơi ĐKKHKT: phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị M – sinh năm 1969;

Địa chỉ cư trú: khu A, phường O, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Đoàn Văn R – sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: khu D, phường B, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – ông Vũ Hoàng L trình bày:

Ông Vũ Hoàng L là tăng ni tại chùa TL (địa chỉ tại phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh). Ông L quen biết ông Đoàn Văn R và bà Phạm Thị M. Ông R và bà M đã giới thiệu bà Nguyễn Thị T cho ông L và cả ba người đề nghị ông giúp đỡ, cho mượn tiền để làm ăn chung với bà T, do ông R và bà M là Phật tử thân tín với ông L và có hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn nên ông L đã đồng ý.

Ngày 10/4/2015 (tức ngày 22/2 âm lịch), ông L đã giao 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), bà T, ông R và bà M cùng ký nhận, số tiền này giao cho bà T giữ. Ngày 27/4/2015 (tức ngày 09/3 âm lịch), bà T và ông R đến gặp và đề nghị ông L cho vay thêm 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), nhưng ông L chỉ đồng ý cho vay thêm 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), bà T, ông R và bà M cùng ký nhận và số tiền này cũng được giao cho bà T giữ. Ngày 04/5/2015 (tức ngày 16/3 âm lịch) bà T vay riêng ông L 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), bà T đã ký nhận tiền. Cả ba lần vay đều không thỏa thuận về tiền lãi; không lập hợp đồng nhưng bên vay đều ký nhận tiền. Hai lần đầu bà T hứa 01 tuần sau sẽ trả tiền vay; lần thứ ba bà T hứa sau 03 ngày sau sẽ trả. Quá thời hạn như đã hứa nhưng bà T không trả. Ngày 22/6/2015, ông L làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh. Sau khi làm việc với cơ quan Cảnh sát điều tra, bà T đã trả ông L 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và cam kết nhận trách nhiệm trả tiếp số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và ngày 15/9/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định số 529/QĐ-PC45 về việc không khởi tố vụ án hình sự với lý do bà T, ông R và bà M vay tiền của ông L chỉ là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu hình sự. Tuy nhiên sau đó bà T vẫn không thực hiện việc trả tiền nợ như đã cam kết.

Do quyền lợi bị xâm phạm nên ông Vũ Hoàng L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay còn lại là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị M (tại bản tự khai ngày 13/3/2017; 27/3/2017 và Biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2017) khai: Bà M là Phật tử và có quen biết ông Vũ Hoàng L là sư trụ trì chùa TL ở phường T, thành phố C, Quảng Ninh; bà M quen biết bà Nguyễn Thị T và bà T tự giới thiệu là bà T có buôn gạo; Bà M quen biết ông R do cùng là Phật tử của ông Vũ Hoàng L. Khoảng đầu tháng 4/2015 bà M đang ở nhà thì ông L gọi điện nói là ông R đang ở cửa khẩu S để tìm mối buôn gạo, bà M xem có quen biết ai buôn gạo không thì giới thiệu, bà M nhận lời. Sau đó bà M đã cùng bà T đi lên cửa khẩu S tìm gặp ông R để bàn việc buôn gạo, sau đó cả 3 về thành phố C gặp ông Vũ Hoàng L để đề nghị ông L giúp đỡ cho vay vốn. Bà T đã vay ông L 3 lần; Lần 1: ngày 10/4/2015 vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng); Lần 2: ngày 27/4/2015 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Lần 3: ngày 04/5/2015 vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Tổng số tiền bà T đã vay của ông L là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng); Tất cả những lần nhận tiền đều viết giấy nhận tiền và toàn bộ số tiền đã vay được đều do bà T giữ, bà M và ông R không được sử dụng; Bà M cho rằng bà chỉ là người làm chứng, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bà T giữ toàn bộ số tiền đã vay nên bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đoàn Văn R (tại bản tự khai ngày 13/3/2017; 30/3/2017) khai: ông R và bà Phạm Thị M đều là phát tử của ông Vũ Hoàng L, bà M đã giới thiệu bà Nguyễn Thị T cho ông R về việc bà T quen biết nhiều và có nhiều mối lái làm ăn, nhưng không có vốn, cả ba người bàn nhau về nhờ ông L giúp đỡ vốn, ông R đã gọi điện nói nội dung này với ông L, ông L nhất trí bảo đưa bà T về gặp ông L. Ông R và bà M đã đưa bà T về gặp ông L tại nhà ông R ở phường Bình, thành phố C. Qua bàn bạc, trao đổi, ông L nhất trí giúp đỡ ông R và bà M về vốn nhưng giao cho bà T chịu trách nhiệm chính. Ngày 10/4/2015, ông L đã giao cho bà T 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), nói là chỉ sử dụng để buôn gạo. Bà T nhận tiền và ký nhận vào sổ ghi chép của ông L, ông R và bà M chỉ ký làm chứng về việc bà T nhận tiền. Một ngày sau, bà T nói cần thêm tiền và đề nghị với ông L vay thêm 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), nhưng ông L chỉ đồng ý cho bà T vay thêm 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông L đưa, bà T ký nhận tiền có ông R và bà M cùng ký làm chứng. Một thời gian sau, bà T nói cần thêm tiền vốn để làm nên đã trực tiếp về gặp để vay ông L. Ngày 04/5/2015 ông L đã đồng ý và đưa cho bà T vay thêm 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và hẹn sau 03 ngày sẽ trả, bà T nhận tiền và ký vào sổ của ông L, ông R và bà M ký làm chứng việc T đã nhận tiền. Sau 3 ngày không thấy bà T trả tiền, ông L điện thoại, nhắn tin nhưng bà T không trả lời, ông L cũng nói với ông R liên lạc với bà T nhưng không có kết quả. Khi ông L đã làm đơn tố giác bà Nguyễn Thị T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bà T đã nhờ người mang trả ông L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và cam kết trả nốt số tiền còn lại là 1.400.000.000đ (Một tỉ bốn trăm triệu đồng). Ông R có quan điểm buộc bà T phải trả tiếp cho ông L số tiền 1.400.000.000đ (Một tỉ bốn trăm triệu đồng). Ông R còn cho rằng ông và bà M chỉ là Người làm chứng việc bà T vay tiền của ông L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã xác minh tại nơi cư trú đồng thời là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Nguyễn Thị T, kết quả thể hiện bà T vắng mặt tại phố L, thị trấn T, huyện T từ đầu năm 2016, nhưng không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương.

Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án số 02/2017/TB-TLVA ngày 07/02/2017; niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 04/TB-TA ngày 27/3/2017 và số 11/TB-TA ngày 03/7/2017 nhưng Bị đơn – bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt, nên việc hòa giải không tiến hành được;

Tòa án đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh cung cấp toàn bộ lời khai và các tài liệu liên quan do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh thu thập được trong quá trình điều tra, xác minh yêu cầu khởi tố của ông Vũ Hoàng L đối với bà Nguyễn Thị T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, kết quả: Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, ông L khai: Ông R và bà M đã đề nghị ông cho mượn 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) để góp vốn làm ăn với bà T. Do thương tình ông R và bà M nên ông đồng ý cho cả ba người mượn tiền để làm thử trong 02 đến 03 tháng đầu, nếu làm ăn không hiệu quả và không đúng mục đích thì phải trả lại vốn cho ông; ông yêu cầu cả ba người khi làm ăn phải bàn bạc thống

nhất với nhau, bà T phải cầm, quản lý và phải trả số vốn mà ông cho mượn, bà T, ông R và bà M đồng ý. Ngày 10/4/2015 tại Trụ sở Công ty N của gia đình ông R, ông đưa 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) cho cả ông R, bà M và bà T; bà T viết giấy với nội dung cả ba người này nhận 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) từ ông và cả ba người cùng ký nhận, bà T cầm số tiền này. Vài ngày sau ông R bà T lại gọi điện hỏi vay thêm 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) nữa nhưng ông chỉ đồng ý cho vay thêm 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ngày 27/4/2015 tại trụ sở Công ty N, ông đã đưa số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); ông R viết tiếp vào tờ giấy trước đây ghi nhận tiền của ông với nội dung đã nhận tiền, sau đó cả ông R, bà M và bà T đều ký nhận; Số tiền này bà T cầm. Sau đó vài ngày, bà T lại gọi điện đề nghị ông cho vay 800.000.000đ để mua gạo, ông đồng ý. Ngày 04/5/2015, cũng tại Công ty N, ông đưa cho bà T vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), bà T ký nhận tiền và hứa 3 ngày sau sẽ trả, ông R và bà M ký là người làm chứng. Tất cả những lần ông cho ông R, bà M và bà T vay tiền ông đều không yêu cầu tiền lãi. Ông khẳng định số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) ông đưa cho bà T ngày 04/5/2015 là bà T vay riêng, còn số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) trước đó là ông cho ông R, bà M vay và không phân định cụ thể mỗi người vay bao nhiêu tiền. Nguồn gốc số tiền ông đã cho vay là tiền của bố mẹ ông tích cóp được cho ông; và ông định sử dụng để xây chùa nhưng khi các Phật tử gặp khó khăn thì ông đã cho vay để giúp đỡ. Ông L cũng khẳng định 2 lần đầu ông cho ông R và bà M vay để chung vốn làm ăn với bà T thử trong 02 đến 03 tháng; ông yêu cầu cả ba người khi làm ăn phải bàn bạc thống nhất với nhau, bà T phải cầm, quản lý và phải trả số vốn mà ông cho mượn; lần 1 vay 600.000.000đ, bà T viết giấy nhận tiền, cả 3 người đều ký nhận tiền vay; lần 2 vay 200.000.000đ, ông R viết giấy nhận tiền, cả 3 đều ký nhận tiền vay; tổng số 2 lần vay này là 800.000.000đ, không phân định cụ thể ông R và bà M mỗi người vay bao nhiêu; số tiền này đều do bà T giữ. Lần 3 bà T vay riêng 800.000.000đ, bà T ký nhận tiền, ông R bà M ký là người làm chứng. Cả 3 lần đều giao nhận tiền tại Công ty N.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, bà M khai: Bà và ông R đã vay của ông Vũ Hoàng L 2 lần đầu với tổng số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) để góp chung vốn với bà Nguyễn Thị T để kinh doanh gạo, không phân định cụ thể là mỗi người vay bao nhiêu; số tiền này ông L đưa cho bà T giữ. Còn lần thứ ba là bà T vay riêng ông L 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) để kinh doanh gạo, bà có ký làm chứng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, ông R khai: Ông L cho ông và bà M vay chung tổng số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) để góp vốn với bà T, không phân định cụ thể mỗi người vay bao nhiêu; số tiền này bà T giữ. Lần thứ ba ông L cho bà T vay riêng 800.000.000đ, ông có chứng kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà Nguyễn Thị T giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt tại nơi cư trú, nhưng bà T cũng đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra với nội dung: Ngày 22/4/2015 bà T đã cùng với ông R và bà M vay của ông L 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng); ngày 27/4/2015 bà cùng với ông R và bà M vay của ông L 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tổng cộng là 800.000.000đ (Tám

trăm triệu đồng), bà T khai số tiền 800.000.000đ này ông L giao cho ông R. Bà T thừa nhận chữ ký trong giấy nhận tiền là chữ ký của bà. Đối với số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) vay của ông L ngày 16/3/2015 âm lịch là bà vay riêng của ông L. Tuy nhiên bà T cam kết chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 1.600.000.000đ (Một tỉ sáu trăm triệu đồng) cho ông L và sẽ yêu cầu bà M ông R phải hoàn trả lại cho bà một phần trong số 800.000.000đ mà cả ba người đã ký vay của ông L.

Tại phiên toà hôm nay, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng mình chỉ là người làm chứng; Nguyên đơn cho rằng ông R và bà M là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông R, bà M phải có trách nhiệm đôn đốc thu hồi số tiền mà ông đã cho bà T vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà có quan điểm cho rằng Toà án nhân dân huyện Tiên Yên đã thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo luật định; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thu thập chứng cứ theo đúng trình tự và thủ tục; Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự về cơ bản chấp hành đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng. Riêng bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án. Qua nghiên cứu hồ sơ và xét xử công khai tại phiên toà thấy đủ cơ sở xác định số tiền 1.600.000.000đ sau khi vay của ông L, bà T đã cầm, quản lý, bà T mới trả cho ông Long 200.000.000đ, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông L, buộc bà T phải trả ông L số tiền 1.400.000.000đ (Một tỉ bốn trăm triệu đồng).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về Tố tụng:

Ông Vũ Hoàng L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền đã vay. Theo khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Việc bà Nguyễn Thị Thảo vắng mặt tại nơi cư trú, không thông báo với chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho ông L cũng như ông R và bà M như vậy bà T vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Mặc dù Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, niêm yết thông báo phiên họp tiếp cận, kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải; niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt, chứng tỏ bà T đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy Tòa án giải quyết vắng mặt bà T là cần thiết để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự.

Về Nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hoàng L, thấy rằng:

Đối với khoản vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) ngày 10/4/2015 và khoản vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) ngày 27/4/2015, số tiền này mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, ông R và bà M không thừa nhận là đã vay của ông L mà chỉ nhận là người làm chứng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đủ cơ sở khẳng định ông R và bà M đã cùng bà T vay của ông L 2 lần với tổng số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) để chung vốn làm ăn với bà Nguyễn Thị T, không phân định ông R và bà M mỗi người vay bao nhiêu tiền; toàn bộ số tiền này đều do bà T nhận và chiếm giữ; điều này còn phù hợp với lời khai và cam kết của bà T tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh về việc sẽ đứng ra chịu trách nhiệm trả cho ông L số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) này.

Đối với khoản tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) vay ngày 04/5/2015 là khoản tiền bà T vay riêng của ông L, nên bà T phải có trách nhiệm trả ông L.

Do đó bà T phải có trách nhiệm trả lại ông L toàn bộ số tiền là 1.600.000.000đ (Một tỉ sáu trăm triệu đồng). Trong đó bà T đã trả ông L 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nhưng không xác định được số tiền này bà T trả vào khoản vay riêng của bà T hay trả vào khoản vay chung ông R và bà M. Do đó cần khấu trừ vào tổng số tiền 1.600.000.000đ (Một tỉ sáu trăm triệu đồng) mà bà T đã vay và nhận của ông L, nên bà T còn phải trả tiếp ông L số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và dành cho bà T quyền khởi kiện ông R và bà M trong một vụ kiện dân sự khác.

Xét ý kiến của ông R và bà M cho rằng ông bà chỉ là người làm chứng, thấy rằng:

Ngày 04/5/2015, tại Công ty N (là nhà riêng của ông R, khu D, phường B, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh) ông R và bà M đã chứng kiến ông L cho bà T vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) nên với khoản vay này xác định ông R và bà M là người làm chứng là chính xác.

Tuy nhiên đối với khoản vay 600.000.000đ ngày 10/4/2015 và khoản vay 200.000.000đ ngày 27/4/2015, tổng cộng là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), thấy rằng đây là khoản tiền ông L cho ông R và bà M vay để góp vốn với bà T, do đó mặc dù bà T phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Hoàng L, nhưng trong khoản vay này cần phải xác định ông R và bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông R, bà M và bà T vay tiền của ông Vũ Hoàng L từ năm 2015, nay có tranh chấp, căn cứ điều 688 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 quy định về điều khoản chuyển tiếp, tranh chấp này được áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Về án phí: Trong vụ án này, yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và các điều 471; 474; khoản 2 điều 305 của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Vũ Hoàng L (tức Đ) số tiền 1.400.000.000đ (Một tỉ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí toà án:

Buộc Bị đơn - bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm với số tiền là 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng);

Nguyên đơn - ông Vũ Hoàng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008093 ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Vắng mặt Bị đơn – bà Nguyễn Thị T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận:

- Dương sự (Để thi hành)
- THADS h. Tiên Yên (Để thi hành);
- VKSND h. Tiên Yên (Để biết);
- KTNV-THA TA tỉnh Q/N;
- Lưu.

(Đã ký)

Bùi Đức Tuấn